

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Hà Nội, ngày tháng năm 2025

HỢP ĐỒNG

Tư vấn lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán

.....2025/KCNTRANUYEN/VIG.....

Gói thầu:

Dự án: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp
Trần Yên (*giai đoạn I*), tỉnh Lào Cai

GIỮA

**BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
- CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP**

VÀ

.....

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH	4
PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG	5
PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG	6
Điều 1. Diễn giải	6
Điều 2. Loại hợp đồng	6
Điều 3. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên	6
Điều 4. Trao đổi thông tin	7
Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng	7
Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng	7
Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng	7
Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm	7
Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm	8
Điều 10. Giá hợp đồng	8
Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng	8
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu	9
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư	10
Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)	11
Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu	11
Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu	11
Điều 17. Bảo hiểm	11
Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng	11
Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng	13
Điều 20. Chấm dứt hợp đồng	13
Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng	14
Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm hợp đồng	15
Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng	15
Điều 24. Tạm ứng, thanh toán, đồng tiền thanh toán và hình thức thanh toán	15
Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp	15
Điều 26. Thưởng, phạt, bồi thường thiệt hại	16
Điều 27. Điều khoản chung	16
PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG	17
Điều 2. Loại hợp đồng	17

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng	17
Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng	17
Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm	17
Điều 10. Giá hợp đồng.....	17
Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng	17
Điều 20. Chấm dứt hợp đồng	17
Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm hợp đồng.....	18
Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng.....	18
Điều 24. Tạm ứng, thanh toán, đồng tiền thanh toán và hình thức thanh toán.....	18
Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp.....	19
Điều 26. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại.....	19
Điều 27. Điều khoản chung.....	20
PHỤ LỤC I: NỘI DUNG, KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG	21
PHỤ LỤC II: NHÂN LỰC CỦA NHÀ THẦU	22

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

PHẦN 1. THÔNG TIN GIAO DỊCH

Hôm nay, ngày tháng năm 2025 tại Văn phòng Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng, Chúng tôi gồm các Bên dưới đây:

1. Chủ đầu tư (Gọi tắt là Bên A):

1.1 Chủ đầu tư: Tổng Công ty Viglacera - CTCP

- Địa chỉ: Tầng 16 và 17 tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.

- Tài khoản: 102010000001043 tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Chi nhánh Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

1.2 Đơn vị được giao đại diện Chủ đầu tư:

- Tên giao dịch: Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP

- Đại diện là: Ông Trần Anh Tuấn

Chức vụ: Giám đốc

- Địa chỉ: Tầng 4 tòa nhà Viglacera, số 1 Đại lộ Thăng Long, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.

- Mã số thuế: 0100108173 – 033.

- Điện thoại: 024.35536660.

- E-mail nhận hoá đơn điện tử: bqlda.kt@viglacera.com.vn.

Và bên kia là:

2. Nhà thầu (Gọi tắt là Bên B):

- Tên giao dịch:

- Đại diện là:

Chức vụ:

- Địa chỉ:

- Tài khoản:

- Mã số thuế:

- Điện thoại:

- Đơn vị trực tiếp thực hiện:

- Quản lý trực tiếp – Chức vụ:; SĐT liên hệ:

Hai bên cùng nhau thống nhất ký Hợp đồng thực hiện Gói thầu thuộc Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Trấn Yên (giai đoạn I), tỉnh Lào Cai, với các nội dung như sau:

PHẦN 2. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ các Luật của Quốc hội: Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14; Luật Đầu tư số 61/2020/QH14; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật xây dựng; Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15; Luật số 90/2025/QH15, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu thầu;
- Các Nghị định: Số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025, Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024, Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021, Quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024, Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/06/2025, Quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 của Quốc hội và các Quyết định, Thông tư, Văn bản hướng dẫn có liên quan;
- Thông tư số 02/2023/TT-BXD ngày 03/3/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng;
- Căn cứ các Quyết định số 1438/QĐ-TTg ngày 20/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ, Chấp thuận Chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Trấn Yên (giai đoạn I), tỉnh Yên Bái;
- Căn cứ các Văn bản/Quyết định của UBND tỉnh Yên Bái: Số 480/QĐ-UBND ngày 31/3/2022, Phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Trấn Yên (giai đoạn I); số 1506/QĐ-UBND ngày 31/8/2022, Phê duyệt đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp Trấn Yên (giai đoạn I);
- Căn cứ các Quyết định của Tổng công ty Viglacera-CTCP: Số 216/TCT-HĐQT ngày 06/12/2024, Phê duyệt Nội dung Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi; Nội dung, Chi phí, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu và Giao nhiệm vụ triển khai thực hiện các công việc chuẩn bị đầu tư giai đoạn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án; Số 169/TCT-HĐQT ngày 01/07/2025, Phê duyệt Kế hoạch các công việc phục vụ công tác chuẩn bị Lễ khởi công; Số 202/TCT-HĐQT ngày 06/08/2025, Phê duyệt Nội dung Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và Phương án, Hiệu quả kinh doanh của Dự án; Số 271/TCT-HĐQT ngày 13/10/2025, Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Đợt 1) của Dự án; thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (Đợt 1) của Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Trấn Yên (giai đoạn I), tỉnh Lào Cai.

PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Diễn giải

Các từ và cụm từ trong hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

1. Chủ đầu tư là: Tổng Công ty Viglacera - CTCP.
2. Nhà thầu là:
3. Dự án là: Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Trấn Yên (giai đoạn I), tỉnh Lào Cai.
4. Công trình là:
5. Gói thầu là:
6. Đại diện Chủ đầu tư là: Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP.
7. Đại diện Nhà thầu là: Người được Nhà thầu nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu chỉ định và thay mặt Nhà thầu điều hành công việc.
8. Nhà thầu phụ là: Tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu để trực tiếp thực hiện công việc.
9. Hợp đồng là: Toàn bộ Hồ sơ hợp đồng theo quy định tại Điều 3 [Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên].
10. HSMT (hoặc HSYC) (nếu có) của Chủ đầu tư là: Toàn bộ tài liệu theo quy định trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
11. HSDT (hoặc HSDX) (nếu có) của Nhà thầu là: Toàn bộ tài liệu theo quy định trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.
12. Đơn dự thầu là: Đề xuất của Nhà thầu thi công có ghi giá dự thầu để thực hiện công việc theo đúng các yêu cầu của HSMT (hoặc HSYC).
13. Bên là: Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu thi công tùy theo hoàn cảnh cụ thể.
14. Ngày được hiểu là: Ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.
15. Ngày làm việc được hiểu là: Các ngày theo dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.
16. Luật là: Toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Loại hợp đồng

Loại hợp đồng: [quy định tại ĐKCT]

Điều 3. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

1. Hồ sơ hợp đồng bao gồm hợp đồng và các tài liệu tại khoản 2 dưới đây.
2. Các tài liệu kèm theo hợp đồng là bộ phận không tách rời của hợp đồng. Các tài liệu kèm theo hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:
 - a) Văn bản thông báo trúng thầu hoặc chỉ định thầu;
 - b) Điều kiện cụ thể của hợp đồng hoặc Điều khoản tham chiếu đối với hợp đồng;
 - c) Điều kiện chung của hợp đồng;
 - d) HSMT hoặc HSYC của Chủ đầu tư;
 - đ) Các bản vẽ thiết kế và các chỉ dẫn kỹ thuật;
 - e) HSDT hoặc HSDX của Nhà thầu;
 - g) Biên bản đàm phán hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng;
 - h) Các phụ lục của hợp đồng;
 - i) Các tài liệu khác có liên quan.

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

3. Thứ tự ưu tiên áp dụng các tài liệu kèm theo hợp đồng áp dụng theo thứ tự quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 4. Trao đổi thông tin

1. Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định,... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong hợp đồng.
2. Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

1. Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
2. Ngôn ngữ của hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

1. Việc thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng theo quy định lần lượt tại Điều 16 và Điều 18 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.
2. Nhà thầu phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) [quy định tại **ĐKCT**].
3. Nhà thầu sẽ không được nhận lại bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp nhà thầu từ chối thực hiện hợp đồng sau khi hợp đồng có hiệu lực và các trường hợp vi phạm khác được quy định trong hợp đồng.
4. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được hoàn trả cho Nhà thầu khi đã hoàn thành các công việc theo thỏa thuận của hợp đồng.
5. Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương giá trị khoản tiền tạm ứng trước khi Chủ đầu tư thực hiện việc tạm ứng. Nếu là liên danh các Nhà thầu thì từng thành viên trong liên danh phải nộp bảo lãnh tạm ứng hợp đồng tương đương với giá trị khoản tiền tạm ứng cho từng thành viên [quy định tại **ĐKCT**].
6. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng sẽ được khấu trừ tương ứng với giá trị giảm trừ tiền tạm ứng qua mỗi lần thanh toán.

Điều 7. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của hợp đồng

1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu thực hiện được thể hiện cụ thể trong Phụ lục số I [Nội dung, Khối lượng và giá trị hợp đồng] và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên bao gồm các công việc chủ yếu sau:
 - a) Nghiên cứu Hồ sơ quy hoạch, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng được duyệt.
 - b) Khảo sát thực địa để lập thiết kế.
 - c) Lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán đảm bảo tuân thủ theo quy định Luật Xây dựng.
 - d) Sửa đổi bổ sung hoàn thiện theo yêu cầu của cơ quan thẩm tra, thẩm định (nếu có).
 - đ) Giám sát tác giả theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.
2. Nhà thầu cung cấp sản phẩm của hợp đồng bao gồm: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

1. Chất lượng sản phẩm phải phù hợp với nội dung hợp đồng đã ký kết giữa các bên; Đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng phải được Nhà thầu hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm của hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 9. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm

1. Hợp đồng ký kết giữa các bên.
2. Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán được thẩm tra, phê duyệt.
3. Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng.

Điều 10. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng:
 - a) Giá hợp đồng: [quy định tại **ĐKCT**].
 - b) Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng thực hiện theo Điều 11 [Điều chỉnh hợp đồng].
2. Nội dung của giá hợp đồng:
 - a) Nội dung của giá hợp đồng bao gồm:
 - Chi phí chuyên gia (tiền lương và các chi phí liên quan), chi phí vật tư vật liệu, máy móc, chi phí quản lý, chi phí bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng.
 - Chi phí cần thiết cho việc hoàn chỉnh sản phẩm sau các cuộc họp, báo cáo, kết quả thẩm định, phê duyệt.
 - Chi phí đi thực địa.
 - Chi phí đi lại khi tham gia vào quá trình nghiệm thu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.
 - Chi phí giám sát tác giả.
 - Chi phí khác có liên quan.
 - b) Giá hợp đồng không bao gồm:
 - Chi phí cho các cuộc họp của Chủ đầu tư.
 - Chi phí thẩm tra, phê duyệt sản phẩm của hợp đồng.
 - Chi phí chưa tính trong giá hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận, đảm bảo phù hợp quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng

1. Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng:
 - Phương pháp điều chỉnh giá hợp đồng xây dựng thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục I kèm theo Thông tư 02/2023/TT-BXD ngày 03/03/2023, Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng. Việc áp dụng các phương pháp điều chỉnh giá phải phù hợp với tính chất công việc, loại giá hợp đồng, đồng tiền thanh toán và phải được thỏa thuận trong hợp đồng.
 - Đối với hợp đồng thực hiện thanh toán theo thời gian (theo tháng, tuần, ngày, giờ) thì việc điều chỉnh mức tiền lương cho chuyên gia thực hiện theo công thức điều chỉnh cho một yếu tố chi phí nhân công tại mục I Phụ lục I kèm theo Thông tư hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.
2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng:
 - Việc điều chỉnh khối lượng công việc trong hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 37

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP và Điều 4 Thông tư số 02/2023/TT-BXD, Hướng dẫn một số nội dung về hợp đồng xây dựng.

- Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng:

- Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP.

- Khi điều chỉnh tiến độ hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP, Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm đánh giá tác động của các sự kiện bất khả kháng đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng để xác định, quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

- Trường hợp tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 39 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP cần thực hiện các công việc sau:

+ Chủ đầu tư, Nhà thầu căn cứ yêu cầu tạm dừng của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đánh giá tác động đến tiến độ thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng.

+ Trường hợp phát sinh chi phí do kéo dài thời gian thực hiện hợp đồng thì Chủ đầu tư, Nhà thầu căn cứ nội dung hợp đồng, hướng dẫn của Cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sự kiện dẫn đến tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định, thỏa thuận về các khoản mục chi phí phát sinh hợp lý.

- Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại **ĐKCT**].

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu

1. Quyền của Nhà thầu:

a) Yêu cầu Chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nhiệm vụ và phương tiện làm việc theo thỏa thuận hợp đồng (nếu có).

b) Được đề xuất thay đổi điều kiện cung cấp dịch vụ vì lợi ích của Chủ đầu tư hoặc khi phát hiện các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

c) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài phạm vi hợp đồng và những yêu cầu trái pháp luật của Chủ đầu tư.

d) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với sản phẩm có quyền tác giả).

đ) Được quyền yêu cầu Chủ đầu tư thanh toán đúng hạn, yêu cầu thanh toán các khoản lãi vay do chậm thanh toán theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Nhà thầu:

a) Hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng.

b) Đối với hợp đồng thiết kế: Tham gia nghiệm thu công trình xây dựng cùng Chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng, giám sát tác giả, trả lời các nội dung có liên quan đến hồ sơ thiết kế theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

c) Bảo quản và giao lại cho Chủ đầu tư những tài liệu và phương tiện làm việc do Chủ đầu tư cung cấp theo hợp đồng sau khi hoàn thành công việc (nếu có).

d) Thông báo ngay bằng văn bản cho Chủ đầu tư về những thông tin, tài liệu không đầy đủ,

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng để hoàn thành công việc.

đ) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ mà hợp đồng và pháp luật có quy định.

e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc của hợp đồng:

- Nhà thầu phải thu thập các thông tin liên quan đến các vấn đề có thể ảnh hưởng đến tiến độ, giá hợp đồng hoặc trách nhiệm của Nhà thầu theo hợp đồng, hoặc các rủi ro có thể phát sinh cho Nhà thầu trong việc thực hiện công việc được quy định trong hợp đồng.

- Trường hợp lỗi trong việc thu thập thông tin, hoặc bất kỳ vấn đề nào khác của Nhà thầu để hoàn thành công việc theo các điều khoản được quy định trong hợp đồng thì Nhà thầu phải chịu trách nhiệm.

g) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng phụ (nếu có), nhân lực của và phụ sẽ luôn tuân thủ luật pháp.

h) Nộp cho Chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả các thông tin liên quan đến công việc có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

i) Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

k) Sản phẩm phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Nhà thầu phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình hoặc của nhà thầu phụ có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách đã được Chủ đầu tư phê duyệt để thực hiện công việc.

l) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Chủ đầu tư cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm đối với lập báo cáo nghiên cứu khả thi; ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với thiết kế công trình xây dựng.

m) Cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định,... với số lượng và thời gian theo đúng tiến độ được thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết.

n) Tuân thủ các yêu cầu và hướng dẫn của Chủ đầu tư, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc không thể thực hiện được.

p) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng đã ký kết.

q) Nhà thầu cam kết không thể chấp các quyền của nhà thầu phát sinh từ hợp đồng này (quyền đòi nợ, các khoản phải thu và các quyền yêu cầu thanh toán khác) cho bất kì một Bên thứ 3 nào.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Chủ đầu tư

1. Quyền của Chủ đầu tư:

a) Được quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm theo hợp đồng.

b) Từ chối nghiệm thu sản phẩm không đạt chất lượng theo hợp đồng.

c) Kiểm tra chất lượng công việc của Nhà thầu nhưng không làm cản trở hoạt động bình thường của Nhà thầu.

d) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung sản phẩm không đảm bảo chất lượng theo thỏa thuận hợp đồng.

đ) Yêu cầu Nhà thầu thay đổi cá nhân không đáp ứng được yêu cầu năng lực theo quy định.

2. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư:

a) Cung cấp cho Nhà thầu thông tin về yêu cầu công việc, tài liệu, bảo đảm thanh toán và các

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

phương tiện cần thiết để thực hiện công việc theo thỏa thuận trong hợp đồng (nếu có).

- b) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm có quyền tác giả theo hợp đồng.
- c) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.
- d) Thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu theo đúng tiến độ thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng.
- đ) Hướng dẫn Nhà thầu về những nội dung liên quan đến dự án và HSMT (hoặc HSYC); tạo điều kiện để Nhà thầu được tiếp cận với công trình, thực địa.
- e) Cử người có năng lực phù hợp để làm việc với Nhà thầu.
- g) Tạo điều kiện cho Nhà thầu thực hiện công việc, thủ tục hải quan (nếu có).
- h) Chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp. Bồi thường thiệt hại cho Nhà thầu nếu Chủ đầu tư cung cấp thông tin không chính xác, không đầy đủ theo quy định của hợp đồng.
- i) Chủ đầu tư không có trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ với Bên thứ 3 liên quan đến việc Nhà thầu thế chấp các quyền của nhà thầu phát sinh từ hợp đồng này (quyền đòi nợ, các khoản phải thu và các quyền yêu cầu thanh toán khác).

Điều 14. Nhà thầu phụ (nếu có)

1. Đối với nhà thầu phụ chưa có danh sách trong Hợp đồng, nhà thầu phải trình danh sách, hồ sơ năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ cũng như phạm vi công việc mà nhà thầu phụ sẽ đảm nhận để Chủ đầu tư xem xét chấp thuận bằng văn bản trước khi ký hợp đồng thầu phụ.
2. Nhà thầu phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Chủ đầu tư về chất lượng, tiến độ cũng như các sai sót của nhà thầu phụ.
3. Nhà thầu cam kết với Chủ đầu tư rằng sẽ thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản chi phí cho nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng thầu phụ.

Điều 15. Nhân lực của Nhà thầu

Nhân lực của Nhà thầu và nhà thầu phụ phải đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp về nghề nghiệp, công việc của họ và phù hợp với quy định về điều kiện năng lực trong pháp luật xây dựng (nếu có).

Điều 16. Bản quyền và quyền sử dụng tài liệu

1. Nhà thầu sẽ giữ bản quyền công việc do mình thực hiện. Chủ đầu tư được toàn quyền sử dụng các tài liệu này để phục vụ công việc quy định trong hợp đồng mà không cần phải xin phép Nhà thầu. Nhà thầu phải cam kết rằng sản phẩm do Nhà thầu thực hiện và cung cấp cho Chủ đầu tư không vi phạm bản quyền hoặc quyền sở hữu trí tuệ của bất cứ cá nhân hoặc bên thứ ba nào.
2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm hoặc hậu quả nào từ việc khiếu nại sản phẩm theo hợp đồng này đã vi phạm bản quyền hay quyền sở hữu trí tuệ của một cá nhân hay bên thứ ba nào khác.

Điều 17. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 18. Rủi ro và bất khả kháng

1. Rủi ro là nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện hợp đồng xây dựng trong tương lai. Trong hợp đồng xây dựng các bên phải quy định trách nhiệm của mỗi bên về quản lý và xử lý rủi ro của mình; trách nhiệm khắc phục hậu quả của mỗi bên trong trường hợp gặp rủi ro.

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

2. Bất khả kháng là một sự kiện rủi ro xảy ra một cách khách quan không thể lường trước khi ký kết hợp đồng xây dựng và không thể khắc phục được khi nó xảy ra mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, phù hợp với tiêu chí được quy định tại khoản 2 Điều 51 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP và khoản 1 Điều 156 Luật Dân sự.

3. Thông báo về bất khả kháng:

a) Khi một bên gặp tình trạng bất khả kháng thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời gian sớm nhất, trong thông báo phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc liên quan đến hậu quả của bất khả kháng.

b) Bên thông báo được miễn thực hiện công việc thuộc trách nhiệm của mình trong thời gian xảy ra bất khả kháng ảnh hưởng đến công việc theo nghĩa vụ hợp đồng.

4. Trách nhiệm của các bên đối với rủi ro:

a) Đối với những rủi ro đã tính trong giá hợp đồng thì khi rủi ro xảy ra Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bằng kinh phí của mình.

b) Đối với những rủi ro đã được mua bảo hiểm thì chi phí khắc phục hậu quả các rủi ro này do đơn vị bảo hiểm chi trả và không được tính vào giá hợp đồng.

c) Nhà thầu phải bồi thường và gánh chịu những tổn hại cho Chủ đầu tư đối với các hỏng hóc, mất mát và các chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) có liên quan do lỗi của mình gây ra.

d) Chủ đầu tư phải bồi thường những tổn hại cho Nhà thầu đối với các thiệt hại, mất mát và chi phí (bao gồm phí và các chi phí pháp lý) liên quan do lỗi của mình gây ra.

5. Trách nhiệm của các bên đối với bất khả kháng:

a) Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện nhiệm vụ của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo các điều khoản của hợp đồng dẫn đến chậm thực hiện công việc và phát sinh chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu sẽ có quyền đề nghị xử lý như sau:

- Được kéo dài thời gian do sự chậm trễ theo quy định của hợp đồng (gia hạn thời gian hoàn thành).

- Được thanh toán các chi phí phát sinh theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

b) Chủ đầu tư phải xem xét quyết định các đề nghị của Nhà thầu.

c) Việc xử lý hậu quả bất khả kháng không áp dụng đối với các nghĩa vụ thanh toán tiền của bất cứ bên nào cho bên kia theo hợp đồng.

6. Chấm dứt và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có):

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, Chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu, hoặc những thứ Nhà thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Chủ đầu tư khi đã được Chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho Chủ đầu tư sử dụng.

Điều 19. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

1. Tạm ngừng công việc bởi Chủ đầu tư:

Nếu nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Chủ đầu tư có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của nhà thầu bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Chủ đầu tư phải nêu rõ phần lỗi của nhà thầu và yêu cầu nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư do tạm ngừng công việc.

2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu:

a) Nếu Chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho Chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Nhà thầu không tuân thủ về bảo đảm thực hiện hợp đồng tại Điều 6 [Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng].

b) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng [quy định tại **ĐKCT**] mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng], hoặc [quy định tại **ĐKCT**] liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

d) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Chủ đầu tư.

đ) Nhà thầu bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 25 [Khiếu nại, hoà giải và giải quyết tranh chấp].

g) Nhà thầu cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 18 [Rủi ro và bất khả kháng].
- Sau khi chấm dứt hợp đồng, Chủ đầu tư có thể thuê các Nhà thầu khác thực hiện tiếp công việc. Chủ đầu tư và các Nhà thầu này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu:

- Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là [quy định tại **ĐKCT**] trong các trường hợp sau đây:

- a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**].
- b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.
- c) Chủ đầu tư không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 18 [Khiếu nại và giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian [quy định tại **ĐKCT**].

đ) Chủ đầu tư bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Nhà thầu sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực (bao gồm chi phí chuyên gia, chi phí mua sắm thiết bị, các chi phí khác,...).

Điều 21. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng:

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 60 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Chủ đầu tư 05 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Điều 20 [Chấm dứt hợp đồng].

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm hợp đồng

1. Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành [quy định tại ĐKCT]:

2. Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng) có ghi cả khối lượng.

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng [quy định tại ĐKCT].

2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp Nhà thầu hoặc Chủ đầu tư gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp chấp thuận gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

3. Việc gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng không được phép làm tăng giá hợp đồng nếu việc chậm trễ do lỗi của Nhà thầu.

Điều 24. Tạm ứng, thanh toán, đồng tiền thanh toán và hình thức thanh toán

1. Tạm ứng: [quy định tại ĐKCT]

2. Tiến độ thanh toán: [quy định tại ĐKCT]

3. Hồ sơ thanh toán gồm:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

(Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng (theo quy định về quản lý chất lượng) có ghi cả khối lượng).

- Bảng tính giá trị khối lượng hoàn thành.

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu bao gồm: Giá trị hoàn thành theo hợp đồng, giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán sau khi đã bù trừ các khoản này.

- Biên bản đối chiếu công nợ đến thời điểm Nhà thầu có đề nghị thanh toán (*Sau khi Nhà thầu xuất hoá đơn giá trị gia tăng*).

4. Đồng tiền thanh toán: [quy định tại ĐKCT]

5. Hình thức thanh toán: [quy định tại ĐKCT]

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng [quy định tại ĐKCT]. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hiện những nội dung không phù hợp với hợp đồng đã ký, bên phát hiện phải thông báo ngay cho bên kia về những nội dung đó và khiếu nại về các nội dung này. Ngoài khoảng thời gian này nếu không bên nào có khiếu nại thì các bên phải thực

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

hiện theo đúng những thỏa thuận đã ký.

- Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được khiếu nại, bên nhận được khiếu nại phải chấp thuận với những khiếu nại đó hoặc phải đưa ra những căn cứ, dẫn chứng về những nội dung cho rằng việc khiếu nại của bên kia là không phù hợp với hợp đồng đã ký. Ngoài khoảng thời gian này nếu bên nhận được khiếu nại không có ý kiến thì coi như đã chấp thuận với những nội dung khiếu nại do bên kia đưa ra.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

- Thời gian để tiến hành hòa giải: [quy định tại **ĐKCT**].

- Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (hoặc Tòa án Nhân dân) theo quy định của pháp luật [quy định tại **ĐKCT**] kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

- Giải quyết tranh chấp: [quy định tại **ĐKCT**].

3. Hợp đồng bị vô hiệu, chấm dứt không ảnh hưởng đến hiệu lực của các điều khoản về giải quyết tranh chấp.

Điều 26. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

1. Thương hợp đồng: Không áp dụng.

2. Phạt vi phạm hợp đồng:

- Đối với Nhà thầu:

+ Nếu bố trí nhân sự không đủ số lượng, không đúng chuyên môn, năng lực hành nghề theo quy định thì phạt [quy định tại **ĐKCT**].

+ Nếu chất lượng, tiến độ thiết kế không đảm bảo làm chậm tiến độ thực hiện do lỗi của Tư vấn thiết kế thì phạt [quy định tại **ĐKCT**].

- Tổng số tiền phạt không quá [quy định tại **ĐKCT**].

- Đối với Chủ đầu tư: Nếu thanh toán chậm cho Nhà thầu theo quy định tại Điều 10 [Giá hợp đồng] và Điều 24 [Tạm ứng và thanh toán] thì phải bồi thường cho Nhà thầu theo lãi suất quá hạn áp dụng cho ngày đầu tiên chậm thanh toán do Ngân hàng thương mại mà Nhà thầu mở tài khoản công bố kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến khi Chủ đầu tư đã thanh toán đầy đủ cho Nhà thầu.

3. Bồi thường thiệt hại

- Bồi thường thiệt hại: Không áp dụng.

Điều 27. Điều khoản chung

- Các bên đồng ý với tất cả các điều khoản, quy định và điều kiện của hợp đồng này. Không có cơ quan nào hoặc đại diện của bên nào có quyền đưa ra tuyên bố, trình bày, hứa hẹn hoặc thỏa thuận nào mà không được nêu ra trong hợp đồng; Không bên nào bị ràng buộc hoặc có trách nhiệm trước các điều đó.

- Các bên cam kết thực hiện một cách trung thực, công bằng và đảm bảo để thực hiện theo mục tiêu của hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ thời điểm [quy định tại **ĐKCT**].

- Số lượng trang, số lượng phụ lục, số bản được thành lập, ngôn ngữ hợp đồng, giá trị pháp lý, số bản Chủ đầu tư sẽ giữ, số bản Nhà thầu sẽ giữ [quy định tại **ĐKCT**].

PHẦN 4. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 2. Loại hợp đồng

- Loại hợp đồng: Trọn gói

Điều 5. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng trong hợp đồng

2. Ngôn ngữ của hợp đồng: Được thể hiện bằng tiếng Việt Nam.

Điều 6. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tạm ứng hợp đồng

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Không áp dụng.

5. Bảo lãnh tạm ứng: Áp dụng với giá trị tạm ứng từ 01 tỷ đồng.

Điều 8. Yêu cầu về chất lượng, số lượng sản phẩm

2. Số lượng hồ sơ sản phẩm của hợp đồng theo từng giai đoạn là: 07 bộ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (bản vẽ, thuyết minh, chỉ dẫn kỹ thuật, quy trình bảo trì), dự toán + File scan hồ sơ định dạng *.pdf, bản mềm định dạng *.word, *.xlsx và bản vẽ định dạng *.Dwg đã chỉnh sửa, hoàn thiện theo nội dung Báo cáo thẩm tra, thẩm định (nếu có).

Điều 10. Giá hợp đồng

1. Giá hợp đồng:

a) Giá hợp đồng:

- Các Bên thống nhất giá hợp đồng là: **đồng**, (bằng chữ:); Đã bao gồm thuế **GTGT 8%** (Chi tiết theo Phụ lục I [Nội dung, khối lượng và giá trị hợp đồng]).

- Trường hợp Nhà nước có thay đổi chính sách về thuế GTGT thì giá trị hợp đồng sẽ được điều chỉnh tương ứng.

Điều 11. Điều chỉnh hợp đồng

2. Điều chỉnh khối lượng công việc của hợp đồng:

- Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng của hợp đồng: Theo thỏa thuận, thống nhất giữa các Bên trong quá trình thực hiện.

3. Điều chỉnh tiến độ của hợp đồng:

- Các trường hợp được điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng: Theo thỏa thuận, thống nhất giữa các Bên trong quá trình thực hiện.

Điều 20. Chấm dứt hợp đồng

1. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng sau 03 ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

b) Nhà thầu không sửa chữa được sai sót nghiêm trọng mà Nhà thầu không thể khắc phục được trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng 07 ngày mà Chủ đầu tư có thể chấp nhận được kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

c) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc theo Điều 23 [Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng], hoặc 15 ngày liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng.

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

- Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 07 ngày.

2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu:

- Nhà thầu có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 07 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian 45 ngày.

b) Chủ đầu tư không thanh toán cho Nhà thầu theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 25 [Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời gian 30 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng mà Nhà thầu không thể thực hiện một phần quan trọng công việc trong thời gian 28 ngày.

Điều 22. Nghiệm thu sản phẩm hợp đồng.

1. Nghiệm thu sản phẩm theo **Phụ lục I [Nội dung, khối lượng và giá trị hợp đồng]:**

- Sau khi bên B bàn giao 03 bộ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán cho bên A đủ điều kiện để trình các Cơ quan chuyên môn thẩm tra, thẩm định (nếu có); khối lượng hoàn thành của Bên B tương ứng đạt **40% khối lượng công việc**.

- Sau khi Bên B bàn giao 07 bộ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán đã hoàn thiện theo báo cáo thẩm tra, thẩm định (nếu có) cho toàn bộ hoặc từng phạm vi công việc Phụ lục I [Nội dung, khối lượng và giá trị hợp đồng]; Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán được Chủ đầu tư phê duyệt; Khối lượng hoàn thành của Bên B tương ứng **đạt 60% khối lượng công việc** (luỹ kế đạt 100% khối lượng).

Điều 23. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

1. Tiến độ thực hiện hợp đồng là: ngày kể từ ngày bàn giao hồ sơ, tài liệu cho Bên B để thực hiện công việc theo hợp đồng (không liên tục, không bao gồm thời gian chờ lấy ý kiến, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt).

Điều 24. Tạm ứng, thanh toán, đồng tiền thanh toán và hình thức thanh toán

1. Tạm ứng: Sau khi Hợp đồng được ký kết, Bên B gửi công văn đề nghị tạm ứng cho Bên A, Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B đến **20% giá trị hợp đồng**; giá trị tạm ứng tương ứng từng phần công việc sẽ được thu hồi qua các lần thanh toán, tỷ lệ thu hồi đạt 100% khi giá trị thanh toán đạt 80% giá trị từng phần công việc.

2. Tiến độ thanh toán:

- Sau khi Bên B bàn giao 03 bộ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán cho toàn bộ hoặc từng phạm vi công việc theo Phụ lục I [Nội dung, khối lượng và giá trị hợp đồng] cho Bên A đủ điều kiện để trình các Cơ quan chuyên môn thẩm tra, thẩm định (nếu có); Hồ sơ nghiệm thu của Bên B được Bên A xác nhận, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B **đến 40% giá trị hợp đồng của toàn bộ hoặc từng phạm vi công việc được nghiệm thu** (bao gồm cả giá trị đã tạm ứng tương ứng của phần việc được nghiệm thu).

- Sau khi Bên B bàn giao 07 bộ hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã hoàn thiện theo báo cáo thẩm tra, thẩm định (nếu có) cho toàn bộ hoặc từng phạm vi công việc Phụ lục I [Nội dung, khối lượng và giá trị hợp đồng] cho bên A và Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, dự toán được Chủ đầu tư phê

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

duyet; Hồ sơ nghiệm thu của Bên B được Bên A xác nhận, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B **đến 90% giá trị hợp đồng của toàn bộ hoặc từng phạm vi công việc được nghiệm thu** (bao gồm cả giá trị đã tạm ứng, thanh toán tương ứng của phần việc được nghiệm thu).

- Sau khi Bên B hoàn thành công tác giám sát tác giả và bàn giao 07 bộ Báo cáo giám sát tác giả cho toàn bộ các công việc theo Phụ lục I [Nội dung, khối lượng và giá trị hợp đồng], Hồ sơ quyết toán, thanh lý hợp đồng của Bên B được Bên A xác nhận, Bên A sẽ thanh toán cho Bên B **đến 100% giá trị thanh lý hợp đồng** (bao gồm cả giá trị đã tạm ứng, thanh toán tương ứng của phần việc được nghiệm thu).

4. Đồng tiền thanh toán: Thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam.

5. Hình thức thanh toán:

- Chuyển khoản qua Ngân hàng hoặc bù trừ công nợ;
- Đơn vị chuyển tiền: Tổng Công ty Viglacera - CTCP/Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng - Chi nhánh Tổng Công ty Viglacera - CTCP/Công ty kinh doanh bất động sản Viglacera hoặc Chi nhánh phụ thuộc được Tổng Công ty uỷ quyền/phê duyệt chuyển tiền cho Nhà thầu;
- Định kỳ: Các Bên sẽ tiến hành đối chiếu và bù trừ công nợ (nếu cần).

Điều 25. Khiếu nại, hòa giải và giải quyết tranh chấp

1. Khi một bên phát hiện bên kia thực hiện không đúng hoặc không thực hiện nghĩa vụ theo đúng hợp đồng thì có quyền yêu cầu bên kia thực hiện theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết. Khi đó bên phát hiện có quyền khiếu nại bên kia về nội dung này. Bên kia phải đưa ra các căn cứ, dẫn chứng cụ thể để làm sáng tỏ nội dung khiếu nại trong vòng 28 ngày. Nếu những các căn cứ, dẫn chứng không hợp lý thì phải chấp thuận những khiếu nại của bên kia.

2. Khi có tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên sẽ cố gắng thương lượng để giải quyết bằng biện pháp hòa giải.

- Thời gian để tiến hành hòa giải là: 28 ngày.
- Trường hợp thương lượng không có kết quả thì khoảng thời gian các bên được quyền gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (*hoặc Tòa án Nhân dân*) theo quy định của pháp luật trong vòng 28 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hợp đồng không thể hòa giải. Quyết định của Trọng tài (*hoặc Tòa án Nhân dân*) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên.

- Giải quyết tranh chấp là: 45 ngày.

Điều 26. Thương, phạt, bồi thường thiệt hại

2. Phạt vi phạm hợp đồng:

- Đối với Nhà thầu:
 - + Nếu bố trí nhân sự không đủ số lượng, không đúng chuyên môn, năng lực hành nghề theo quy định thì phạt 0,5% giá trị hợp đồng/1 lần vi phạm.
 - + Nếu chất lượng, tiến độ thiết kế không đảm bảo làm chậm tiến độ thực hiện do lỗi của Tư vấn thiết kế thì phạt 0,5% giá trị hợp đồng/1 lần vi phạm.
- Tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng.

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

Điều 27. Điều khoản chung

- Hợp đồng này có hiệu lực kể ngày ký.
- Hợp đồng này bao gồm trang và 02 Phụ lục được lập thành 06 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Chủ đầu tư sẽ giữ 03 bản, Nhà thầu sẽ giữ 03 bản.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA NHÀ THẦU**

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

PHỤ LỤC I: NỘI DUNG, KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Gói thầu

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Trấn Yên (giai đoạn I), tỉnh Lào Cai.

STT	Nội dung công việc	Khối lượng công việc	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT (8%)	Giá trị sau thuế
1	Phần công việc 1 :	100%
1	Phần công việc 2 :	100%
1	Phần công việc 3 :	100%
1	Phần công việc :	100%
	Tổng cộng	100%

Mẫu hợp đồng Tư vấn.

Đơn vị ban hành: Đại diện Chủ đầu tư Ban quản lý các dự án ĐTXD – Chi nhánh Tổng công ty Viglacera – CTCP.

PHỤ LỤC II: NHÂN LỰC CỦA NHÀ THẦU

Gói thầu

Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp Trấn Yên (*giai đoạn I*), tỉnh Lào Cai.

STT	Họ và tên nhân sự	Chức danh, vị trí đảm nhiệm
1
2
3
4
5
6
7